

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2020/LH-ST

Ngày 28 - 12 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quảng O

Các Hội thẩm: Ông Khuất Văn S, ông Trần H

- Thư ký phiên tòa: Bà Chủ Thị Bích L - Thẩm tra viên Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương L - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 237/2020/QĐ-XXST ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 12/8/ 1996

ĐKKHKT: Thôn N, xã Châu C, huyện P, TP H

Nơi cư trú: Xóm C, thôn V, xã V, huyện C, thành phố H

Nghề nghiệp: Tự do

* Bị đơn: Anh Vũ Văn Đ, sinh ngày 18/4/1989

CMTND số: 001089004241 do cục Cảnh sát ĐKQLCT và DLQG về dân cư cấp ngày 20/01/2015

ĐKKHKT: Thôn N, xã Châu C, huyện P, thành phố H

Hiện đang ở Đài Loan theo địa chỉ: Uru – Thai Minh Lu, No. 28, Road 226, Taichung, Taiwan.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Văn T sinh năm 1962 và bà Vũ Thị N sinh năm 1962

Hiện cư trú tại: Thôn N, xã Châu C, huyện P, thành phố H.

(Có mặt chị N, vắng mặt anh Đ, ông T, bà N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 11/2015, quyền số 01 ngày 02/3/2015 tại UBND xã Châu C , huyện P . Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm tính cách sống không hợp, vợ chồng không cảm thông chia sẻ với nhau, gia đình chồng ngược đãi và xúc phạm chị.

Tháng 02/2018, chị bị đuổi về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Cũng trong thời gian đó, anh Đ sang Đài Loan lao động, sinh sống và ở Đài Loan từ đó đến nay. Chị và anh Đ không quan tâm chăm sóc nhau, việc ai người đó làm và không có sự liên lạc với nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Duy K , sinh ngày 21/7/2016. Hiện nay cháu đang ở cùng với ông nội là Vũ Văn T . Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Vũ Văn Đ có HKTT và nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: Thôn N , xã Châu C , huyện P , TP H . Hiện đang ở Đài Loan theo nguyên đơn cung cấp: Uru - Thai Minh Lu, No. 28, Road 226, Taichung, Taiwan.

Tòa án đã ủy thác cho Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai của anh Vũ Văn Đ theo quy định của pháp luật. Tại Công điện số 057-2020/CĐ-LS ngày 10/03/2020 Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc cho biết: Văn phòng đã niêm yết công khai tại Văn phòng; đăng thông báo trên cổng Thông tin điện tử và thực hiện tổng đạt theo qui định. Cho đến nay, Văn phòng không thể liên lạc và nhận được phản hồi nào của bị đơn.

Ngày 23/3/2020, Tòa án nhân dân thành phố H cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trong vụ án tại khu tiếp dân trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H .

Cho đến nay, Tòa án nhân dân thành phố H chưa nhận được ý kiến nào từ phía anh Vũ Văn Đ .

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T , bà Vũ Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N kết hôn với con trai ông bà là anh Vũ Văn Đ trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tháng 02/2015 tại UBND xã Châu C . Sau khi cưới, vợ chồng anh Đ chị N sinh sống tại thôn N , xã Châu C . Vợ chồng chung sống đến tháng 8/2018 thì chị N gửi con cho ông bà nội và xin phép về bà ngoại tại xã V, huyện C làm mây tre đan.

Đến tháng 11/2018 anh Đ đi xuất cảnh lao động ở Đài Loan. Khi anh Đ đi được 03 tháng thì nghe tin chị N đi lấy chồng nhưng gia đình không tin. Đến khi

bạn bè anh Đ gửi cho anh Đ video ảnh cưới của chị N thì gia đình đã gửi đơn tố cáo đến Công an huyện P, Công an xã V, Công an huyện C, Công an xã C, huyện T (nơi cư trú của chồng mới chị N).

Các cơ quan Công an đã tiến hành nhận đơn tố cáo (có biên bản kèm theo) và đã tiến hành triệu tập 03 lần chị N. Tuy nhiên chị N không lên làm việc và đã trốn khỏi địa phương. Chị N và chồng mới cưới đã có con chung. Nay chị N làm đơn ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án dừng giải quyết đơn ly hôn để chờ văn bản trả lời của cơ quan chức năng để bảo vệ quyền lợi cho gia đình ông bà. Ông, bà cho biết anh Đ vẫn liên lạc với gia đình và đã biết việc chị N theo thông báo của Tòa án nhưng anh Đ cũng có ý kiến như nội dung ông, bà đã trình bày.

- Chị N xác định chị chưa lấy chồng và có con chung với ai.

* Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Vũ Văn Đ và xin được nuôi con chung là cháu Vũ Duy K và không đề nghị anh Đ đóng góp nuôi con chung.

Anh Vũ Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Người liên quan là ông Vũ Văn T, bà Vũ Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H nhận định:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử vụ án.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc đóng góp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết luận của đại diện Viện Kiểm sát về vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tình cảm:

- Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu C, huyện P, Giấy đăng ký kết hôn số 11/2015, quyển số 01, đăng ký ngày 02/3/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi tổ chức lễ cưới và Đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chồng tại thôn N, xã Châu C, huyện P, thành phố H và sinh được 01 con chung là cháu Vũ Duy K, sinh ngày 21/7/2016, hiện cháu K đang ở cùng ông bà nội là ông Vũ Văn T và bà Vũ Thị N.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2018, chị N về ở nhà bố mẹ đẻ tại xã V, huyện C. Cũng trong năm 2018, anh Vũ Văn Đ đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan.

Vợ chồng không có liên lạc gì với nhau từ khi ly thân cho đến nay.

- Bị đơn anh Vũ Văn Đ :

Anh Vũ Văn Đ đã được Tòa án thực hiện ủy thác tư pháp hợp lệ nhưng không có kết quả.

Gia đình anh Đ xác nhận đã liên lạc với anh Đ nhưng anh Đ không có ý kiến gì mà theo ý kiến của gia đình.

Thể hiện anh Vũ Văn Đ từ chối khai báo, từ chối cung cấp tài liệu chứng cứ theo qui định của pháp luật.

- Về đơn tố cáo chị Nguyễn Thị N có hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng của bà Vũ Thị N (là mẹ của anh Vũ Văn Đ):

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã V, huyện C, Công an xã Châu C , huyện P , Công an huyện P , Công an huyện C, Công an xã C, huyện T.

Tại văn bản số 01/CAVV ngày 5/9/2020 của Công an xã V, huyện C trả lời Tòa án: Từ ngày 6/8/2020 đến nay Công an xã V chưa nhận được đơn tố cáo của công dân tố cáo chị Nguyễn Thị N vi phạm chế độ một vợ một chồng.

Tại văn bản số 167/CV-CACD ngày 20/9/2020 của Công an xã C huyện T trả lời Tòa án: Từ tháng 2/2020 không tiếp nhận đơn tố cáo nào của bà Vũ Thị N có nội dung nêu trên.

Tại Công văn số 527/CQĐT(ĐTTH) ngày 16/9/2020 của Công an huyện C xác định: Ngày 30/5/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện C có tiếp nhận đơn của bà Vũ Thị N tố cáo chị Nguyễn Thị N vợ của anh Vũ Văn Đ có hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng. Qua xác minh, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), không ủy quyền cho bà N và không đến làm việc nên Công an huyện C không thụ lý vụ việc trên vì không thuộc thẩm quyền.

Theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Hình sự thì thời gian xem xét đơn tố giác tội phạm là không quá 04 tháng. Đã qua thời hạn qui định, các cơ quan có thẩm quyền đều không có văn bản xử lý hành chính hay hình sự đối với chị Nguyễn Thị N .

Chị Nguyễn Thị N khẳng định không chung sống và không có con chung với ai khác.

* Từ các phân tích trên, xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Vũ Văn Đ .

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn Đ có 01 con chung là Vũ Duy K , sinh ngày 21/7/2016. Ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Duy K , không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào nguyện vọng của chị Nguyễn Thị N và thực tế anh Vũ Văn Đ đang không có mặt ở Việt Nam nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc cháu Vũ Văn K được.

Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Duy K và không yêu cầu anh Đ đóng góp nuôi con.

Về nội dung bà N cho rằng chị N đã có con với người chồng mới nhưng không có căn cứ và chị N không thừa nhận nên không giải quyết nội dung “con chung với người chồng mới” trong vụ án này.

[3] Về tài sản, nhà ở, công nợ chung: Các đương không yêu cầu tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết luận của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N nộp cả 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 266, Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ tiêu mục 2.1 Mục 2 Phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Vũ Văn Đ

Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Vũ Văn Đ .

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn Đ có 01 con chung là Vũ Duy K , sinh ngày 21/7/2016.

Giao cháu Vũ Duy K cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Vũ Văn Toán và bà Vũ Thị N có trách nhiệm giao cháu Vũ Duy K cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Vũ Văn Đ phải đóng góp nuôi con cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền
Anh Vũ Văn Đ có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản, nhà ở, công nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng dự phí ly hôn sơ thẩm đã nộp tại biên lai số

AA/2018/0013436 ngày 24/7/2019 của Cục Thi hành án thành phố H . Chị Nguyễn Thị N đã nộp xong án phí Ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị N , vắng mặt anh Vũ Văn Đ , ông Vũ Văn T , bà Vũ Thị N .

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn theo qui định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND TP H .

- Nơi ĐKKH;

- Đương sự.

- Lưu./.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quảng O

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

